

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 7 -2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiệp và ông Nguyễn Thanh Phúc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông Phạm Hữu Công– Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát
viện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân
thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
133/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
24/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1991. "Có mặt".
Địa chỉ: Số nhà N, đường M, tổ M, phường N, thành phố K, tỉnh Kon
Tum.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Lan V, sinh năm 1992. "Vắng mặt".
Địa chỉ: Số P, đường T, tổ S, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh
Nguyễn Công T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô Phạm Thị Lan V chung sống với nhau
có đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2013, tại UBND phường T, thành phố K, tỉnh
Kon Tum. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi
nhau, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khoảng tháng 02 năm 2014 thì chị
V bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Không ai quan tâm đến ai, việc ai người ấy
làm, không liên lạc với nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị V
nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Lan V.
Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là Nguyễn Thế V1, sinh ngày
16/5/2014. Anh yêu cầu Tòa án giao con cho chị V trực tiếp trông nom, chăm
sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tại phiên tòa anh bổ sung yêu cầu khởi kiện là tự

nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 800.000 đồng, kể từ ngày 01/8/2022, vì anh không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Từ khi chị V bỏ đi đến nay chị V tự nuôi con, cháu vẫn khỏe mạnh, chị V cũng không yêu cầu anh đóng góp nuôi con. Về lãi suất chậm trả anh yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản, nợ nần: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí DSST anh nhận chịu.

Bị đơn chị Phạm Thị Lan V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh T. Anh T được ly hôn với chị V. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Về con chung giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đóng góp tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 800.000 đồng; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phạm Thị Lan V đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V.

[2] *Về nội dung vụ án:*

* **Quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa anh Nguyễn Công T và chị Phạm Thị Lan V là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã, đánh nhau (BL32); vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Việc anh T xin ly hôn với chị V, chị V biết nhưng không có ý kiến về việc khởi kiện, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, chị V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh T và chị V đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng.

Anh, chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình (Không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay), vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V là có căn cứ cần được chấp nhận là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật.

* **Về con chung:** Vợ chồng anh T, chị V sinh được 01 con chung là Nguyễn Thế V1, sinh ngày 16/5/2014. Hiện tại chị V đang trực tiếp nuôi con, cháu V1 vẫn được học hành và có sức khỏe tốt. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc nuôi con. Theo yêu cầu của anh T và trên thực tế xét về quyền lợi mọi mặt của người con chưa thành niên, có xem xét nguyện vọng của cháu V1 thì Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao con cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 800.000 đồng kể từ ngày 01/8/2022 là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh T và nhu cầu tối thiểu của con chung chưa thành niên.

Về lãi suất chậm trả anh T yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 468 BLDS là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

* **Về tài sản và nợ chung:** Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Công T đề ngày 06 tháng 4 năm 2022.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công T được ly hôn với chị Phạm Thị Lan V;

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thế V1, sinh ngày 16/5/2014 cho chị Phạm Thị Lan V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Nguyễn Công T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*), kể từ ngày 01/8/2022 cho đến khi cháu V1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ nần: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Nguyễn Công T phải chịu. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh T đã nộp theo biên lai số: 0000739, ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố K, tỉnh Kon Tum. Anh Nguyễn Công T còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (08/7/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- Chi cục THADS TP K;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung